

TÌM HIỂU LẬP LUẬN TRONG MỘT SỐ TÁC PHẨM BÁO CHÍ CỦA HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG THỊ HẢO TÂM *
CAO PHƯƠNG THẢO **

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu về phương thức lập luận và tác dụng của lập luận trong các tác phẩm báo chí của Hồ Chí Minh - các tác phẩm viết trong thời gian Người sống và hoạt động trên nước Pháp - nhằm mục tiêu luận chiến, chống lại những luận điệu lừa bịp của kẻ thù. Bài viết phân tích lập luận của Nguyễn Ái Quốc dựa trên quy tắc Tam đoạn luận, đã chỉ ra được mô hình lập luận, đích của lập luận, và giá trị biểu cảm của lập luận trong một số tác phẩm báo chí của Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; lập luận; tác phẩm báo chí; luận chiến; phong cách báo chí; lí lẽ; dẫn chứng; luận cứ; đối thoại ngầm ẩn; yếu tố biểu cảm.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa từng coi mình là nhà văn, nhà báo. Nhưng trong số những sáng tác của Người được viết nhằm mục đích phục vụ Cách mạng có không ít sáng tác đã trở thành mẫu mực cho một thể loại, một phong cách chức năng nào đó. Trong số những sáng tác ấy, cần phải kể đến các tác phẩm báo chí. Trong bài viết này, xuất phát từ bình diện ngôn ngữ, chúng tôi sẽ làm rõ đặc điểm "phong cách báo chí Hồ Chí Minh", từ đó mong muốn chỉ ra vẻ đẹp minh triết của "tư tưởng Hồ Chí Minh".

Đặc trưng nổi trội làm nên dấu ấn của phong cách báo chí, khiến nó được nhận diện, phân biệt với các loại phong cách chức năng được thể hiện ở tính chiến đấu và tính thời sự. Muốn vậy, ngôn ngữ báo chí một mặt phải hàm súc, mặt khác phải luôn tươi mới như hiện thực hàng ngày đang diễn ra; cách nêu vấn đề, giải quyết vấn đề phải thuyết phục được người đọc. Tìm hiểu phong cách báo chí Hồ Chí

Minh, trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi sẽ xem xét cách thức xây dựng lập luận trong các tác phẩm báo chí của Hồ Chí Minh và vai trò của lập luận trong mối quan hệ với đích giao tiếp. Ngữ liệu phục vụ cho bài viết được trích dẫn theo tác giả Hà Minh Đức⁽¹⁾, bao gồm các tác phẩm báo chí của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết từ năm 1921 đến 1927 - khoảng thời gian Bác sống, làm việc và hoạt động Cách mạng trên nước Pháp - nhằm mục đích luận chiến với kẻ thù.

1. Khái quát về lập luận

Lập luận là đưa ra lí lẽ và dẫn chứng nhằm dẫn dắt người nghe đến một kết luận nào đó⁽²⁾. Một lập luận thành công - tức gây được hiệu quả từ phía người tiếp

(*) PGS.TS, Giảng viên Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

(**) ThS. Học viện Tài chính.

⁽¹⁾ Hà Minh Đức, *Báo chí Hồ Chí Minh: chuyên luận và tuyển chọn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2000.

⁽²⁾ Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, 2000, tr. 155.

nhận - thường phải đảm bảo được các yếu tố: (1) yếu tố lí lẽ; (2) yếu tố biểu cảm; (3) yếu tố văn hóa (đặc điểm, tính cách, tri thức nền) - xét từ phía người tiếp nhận, theo Nguyễn Đức Dân. Yếu tố (1) được đánh dấu bằng việc người nói /người viết lựa chọn lẽ thường nào làm cơ sở cho lập luận, và cách thức xây dựng các phát ngôn mang giá trị của lí lẽ, dẫn chứng cũng như cách thức tổ chức chúng để tạo thành một lập luận. Yếu tố (2) được kiến tạo bằng các biểu thức ngôn từ có chức năng xưng hô, các biểu thức rào đón phương châm lịch sự. Yếu tố thứ (3) liên quan đến đặc điểm tâm lí, yếu tố này thường hòa trộn với yếu tố (1) và (2) trên bình diện ngôn ngữ. Tùy theo mục đích giao tiếp trong lập luận mà các yếu tố này đóng vai trò nổi trội khác nhau.

2. Đặc điểm của lập luận trong một số tác phẩm báo chí của Hồ Chí Minh trước 1945

2.1. Lập luận và đặc điểm của lẽ thường

Khảo sát 10 bài viết đăng trên các tạp chí của Pháp từ năm 1921 đến năm 1927⁽³⁾, trong thời gian Hồ Chí Minh sống trên nước Pháp với sứ mệnh lịch sử tìm con đường giải phóng đất nước, chúng tôi nhận thấy cơ sở của lập luận (lẽ thường) được người chiến sĩ cộng sản Nguyễn Ái Quốc sử dụng trong những bài viết thường là thuyết Nhân quả. Làm nên nội hàm của thuyết Nhân quả bao gồm hai yếu tố *nhân* - hạt giống và *quả* - kết quả, với ý nghĩa: do *nhân* như vậy mà có kết quả như vậy, nếu *nhân* là cái người ta làm thì *quả* là cái người ta nhận từ việc làm đó. Người trồng *nhân* lành thì được *quả* lành, gieo *nhân* ác

thì gặt *quả* ác. Đây là vấn đề cốt yếu đầu tiên thuộc của triết lí nhà Phật, và cũng là quy luật của toàn vũ trụ nhân sinh.

Dựa trên lẽ thường về thuyết Nhân quả, các bài viết của Người đều hướng tới mục đích hoặc là tố cáo sự áp bức tàn bạo của thực dân Pháp đối với những người dân ở Đông Dương, trong đó có Việt Nam (*10 trường học, 1500 đại lí rượu; Nền văn minh thượng đẳng; Sự quái đản của công cuộc khai hóa; Động vật học; Thư ngỏ gửi ông Anbe Xarô; Bộ trưởng Bộ Thuộc địa; Những người dân bản xứ được ư chuộng.v.v...*), hoặc khẳng định sự ra đời của cuộc giải phóng áp bức ở các nước thuộc địa là kết quả của chủ nghĩa thực dân bạo tàn (*Đông Dương*). Chẳng hạn, có thể thấy lẽ thường "Nhân quả" chi phối cách thức triển khai lập luận trong tác phẩm *Đông Dương* như sau:

- Lẽ thường: Có áp bức có đấu tranh.
- Luận cứ: Đông Dương bị thực dân Pháp đầu độc cả về thể chất và tinh thần; bị giam cầm trong đau khổ, đói nghèo.
- Kết luận: Sự vùng dậy của Đông Dương là một tất yếu: *Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất (...) cho công cuộc giải phóng áp bức.*

Hoặc ở tác phẩm *Nền văn minh thượng đẳng*, để tạo ra lập luận: công cuộc khai hóa văn minh của chính quyền thực dân Pháp ở Việt Nam thực chất là sự cai trị, áp bức, giết chóc những người dân vô tội, vì thế cần phải lên án, Hồ Chí Minh đã dựa trên lẽ thường: *Gieo gió gặt bão/*

⁽³⁾ Hà Minh Đức, *Báo chí Hồ Chí Minh: chuyên luận và tuyển chọn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2000.

Nhân nào quả nấy. Với người Việt Nam, từ ngàn đời nay, thuyết Nhân quả đã trở nên gần gũi, chi phối lối sống, cách ứng xử hàng ngày. Những thành ngữ: *Con giun xéo lắm cũng quằn; Tấc nước vỡ bờ; Đời cha ăn mặn, đời con khát nước; Giậu đổ, bìm leo; Đi đêm lắm có ngày gặp ma* v.v... là biểu hiện trực tiếp cho thuyết Nhân quả đó. Đáng chú ý, ngay trong thành ngữ tiếng Pháp, thuyết Nhân quả cũng hiện diện, không hề xa lạ với người dân Pháp, chẳng hạn như: *Qui seme le vent recolte la tempeste* (giao gió gặt bão), *Comme on fait son lit on se couche* (giao nhân nào gặt quả ấy). Điều này có nghĩa thuyết Nhân quả làm nên điểm tương đồng trong tri nhận cuộc đời, hành vi ứng xử giữa các dân tộc khác nhau về nền văn hóa. Vậy thì, tìm đến thuyết Nhân quả làm cơ sở lập luận cho các bài viết trên, Nguyễn Ái Quốc chẳng những đã làm thay đổi nhận thức của người dân nước Pháp về sự thật công cuộc khai hóa văn minh tại các nước thuộc địa của chính quyền thực dân Pháp, mà còn từ đó tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của người dân Pháp đối với công cuộc giải phóng áp bức ở Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng. Chính bởi lẽ thường "Nhân quả" mang tính phổ quát cho mọi dân tộc, nên xét từ góc độ tư thế luận chiến, Nguyễn Ái Quốc đâu chỉ nhân danh dân tộc Việt Nam, mà còn nhân danh nhân dân các nước thuộc địa như châu Phi, Đông Dương để lên tiếng. Do đó lời tố cáo vừa mang ý nghĩa dân tộc, vừa mang tầm quốc tế.

2.2. Lập luận và một số đặc điểm của luận cứ

Nguyễn Đức Dân⁽⁴⁾ đã đưa ra 3 kiểu luận cứ thường được sử dụng trong tranh luận, đó là luận cứ về *thuộc tính*, luận cứ về *hành vi và con người* và luận cứ về *sự đánh giá*. Theo sự khảo sát của chúng tôi, luận cứ về *hành vi và con người* thường xuyên hiện diện trong các tác phẩm do Nguyễn Ái Quốc viết từ năm 1921 đến 1927. Nội dung của luận cứ thể hiện như sau: nếu con người có thuộc tính âm thì hành động có thuộc tính âm; nếu con người có thuộc tính dương thì hành động có thuộc tính dương; nếu hành động có thuộc tính dương thì con người có thuộc tính dương; nếu hành động có thuộc tính âm thì con người có thuộc tính âm. Ví dụ, trong tác phẩm *Diễn đàn Đông Dương*, toàn bộ bài viết là sự liệt kê các sự kiện nói về tội danh của các quan chức cai trị xứ Đông Dương: *Ông Bôđoanh (...) bị tố cáo hãn hoi về tội giả mạo và dùng giấy tờ giả mạo (...), Ông Đácơ bị lên án là ăn hối lộ (...) và đã gây ra cuộc nổi dậy đẫm máu ở Thái Nguyên (...) Ông Bôđino (...) bị kiện vì tội buôn bán người chết*⁽⁵⁾. Những việc làm này, nếu ở Pháp sẽ có nguy cơ bị truy tố, nhưng ở Việt Nam thì họ không những không bị truy tố mà còn tiếp tục được Chính phủ Pháp trọng dụng, giữ chức vụ cao trong bộ máy hành chính do thực dân dựng lên. Ông Bôđoanh *vẫn cứ là quan toàn quyền*, ông Đácơ *được Chính phủ thuộc địa cử vào Hội đồng thành phố Sài Gòn*, còn quan cai trị Bôđinô *vừa được*

⁽⁴⁾ Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, 2000, tr. 200 - 203.

⁽⁵⁾ Hà Minh Đức, *Báo chí Hồ Chí Minh: chuyên luận và tuyển chọn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2000, tr.199-200.

công lí cho trắng án, ngày mai có thể ông ta còn được huân chương⁽⁶⁾. Từ những luận cứ trên, có thể khôi phục lại lập luận cho diễn ngôn *Diễn đàn Đông Dương* theo phép tam đoạn luận:

- *Đại tiền đề*: Hành động mà có phẩm chất âm [-] thì người cũng có phẩm chất âm [-].

- *Tiểu tiền đề*: (a) Ông Bôđoanh bị tố cáo về tội giả mạo và dùng giấy tờ giả mạo, (b) Ông Đácơ bị lên án là ăn hối lộ và đã gây ra cuộc nổi dậy đẫm máu ở Thái Nguyên, (c) Ông Bôđino bị kiện vì tội buôn bán người chết.

- *Kết luận*: Họ - các quan chức Pháp trong bộ máy cai trị ở xứ Đông Dương là những kẻ xấu.

Đặt kết luận trên trong mối quan hệ với lẽ thường "Nhân quả" sẽ có một lập luận khác được nhận biết:

- *Đại tiền đề*: Gieo gió gặt bão.

- *Tiểu tiền đề*: Các quan chức trong bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở Đông Dương làm nhiều việc trái với nhân nghĩa, đạo lí.

- *Kết luận* (hàm ẩn): Cần thiết phải lên án sự giả dối trong chính sách "bảo hộ" của thực dân Pháp ở Đông Dương. Đông Dương không phải là nơi để mồi lửa của nước Pháp thực hiện công cuộc "khai hóa", "bảo vệ"; thực chất Đông Dương chỉ là nơi để những kẻ nhân danh công lí bóc lột sức lao động của những người dân xứ thuộc địa mà thôi.

Kiểu lập luận tăng bậc hàm ngôn như vậy thường xuyên xuất hiện trong các bài viết của Nguyễn Ái Quốc nhằm mục đích luận chiến với kẻ thù, tạo nên tính đa

thanh cho bài viết.

Trong một lập luận, luận cứ có thể là những lí lẽ và dẫn chứng. Việc lựa chọn luận cứ cũng như cách thức triển khai luận cứ, sắp xếp chúng theo một hình thức nào đó sẽ mang lại hiệu lực lập luận khác nhau. Vì thế, lựa chọn luận cứ cũng như hình thức triển khai luận cứ nằm trong chiến lược giao tiếp của người nói. Điều hướng tới mục đích vạch trần bộ mặt mị dân của chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương, nhưng mỗi bài viết đăng báo của Nguyễn Ái Quốc lại có cách triển khai luận cứ khác nhau, rất sinh động và uyển chuyển. Có thể khái quát thành các dạng như sau:

a. Luận cứ triển khai dưới hình thức lá thư, nhật kí, ví dụ: *10 trường học, 1500 đại lí rượu; Nền văn minh; Sự quái đản của công cuộc khai hóa; Thư ngỏ gửi ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ thuộc địa*.

b. Luận cứ triển khai theo hình thức đối thoại ngầm ẩn, ví dụ: *Đông Dương*.

c. Luận cứ triển khai theo hình thức chuyện kể, ví dụ: *Động vật học; Những người bản xứ được ưa chuộng; Diễn đàn Đông Dương; Những tội ác kinh hoàng của Chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Đông Dương*.

Điều đặc biệt với (a), tác giả của những lá thư, nhật kí chính là đối tượng luận chiến (*10 trường học, 1500 đại lí rượu*), hoặc sự thật được ghi chép lại bởi những người lính thực dân (*Sự quái đản của công cuộc khai hóa*). Nội dung của những lá thư, nhật kí luôn là những bằng chứng

⁽⁶⁾ *Diễn đàn Đông Dương*, in trong Hà Minh Đức, *Báo chí Hồ Chí Minh: chuyên luận và tuyển chọn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2000, tr. 199-200.

sống về tội ác man rợ của chủ nghĩa đế quốc đối với người dân thuộc địa. Còn sức tố cáo nào mạnh hơn khi để chính những kẻ "tay nhúng chàm" kể lại tội ác của mình đối với đồng loại. Dùng hình thức lá thư, nhật kí của những kẻ "trong cuộc" làm luận cứ giống như kẻ "gậy ông đập lưng ông", Nguyễn Ái Quốc đã lột tẩy bản chất chính sách khai hóa văn minh của "Mẫu quốc".

Đặc điểm của luận cứ được triển khai theo hình thức đối thoại ngầm thể hiện ở chỗ: Người nói tự phân thân đại diện cho hai luồng tư tưởng đối lập nhau. Hành động chất vấn – bác bỏ thường xuyên được 2 luồng tư tưởng sử dụng để bảo vệ quan điểm của mình. Trong suốt quá trình đối thoại như vậy, chân dung nhân vật đối thoại dần hiện rõ. Đoạn trích sau trong tác phẩm *Đông Dương*, mang đặc điểm của hiện tượng lồng ghép đối thoại như vậy: *Nói rằng Đông Dương gồm hai mươi triệu người bị bóc lột, hiện đã chín mươi cho một cuộc Cách mạng là sai, nhưng nói rằng Đông Dương không muốn cách mạng và bằng lòng với chế độ bây giờ như các ông chủ của chúng ta vẫn thường nghĩ như thế, thì càng sai hơn nữa. Sự thật là người Đông Dương không có một phương tiện hành động và học tập nào hết. Báo chí, hội họp, lập hội, đi lại đều bị cấm...*⁽⁷⁾ Ngay trong một tiểu luận cứ - câu 1, đã có sự hiện diện của hai tiếng nói, hai quan điểm. *Nói rằng ... một cuộc cách mạng; nói rằng ... nghĩ như thế* không phải lời nói của chủ ngôn, nói cách khác, người viết - tác giả Nguyễn Ái Quốc chỉ đóng vai trò thuyết ngôn dẫn lại lời của chủ ngôn -

chính quyền thực dân Pháp. Về thứ hai của tiểu luận cứ mới là lời của người viết (*là sai; càng sai hơn nữa*) bác bỏ quan điểm nêu trong vế 1. Quan điểm bác bỏ tiếp tục được duy trì, làm rõ ở tiểu luận cứ thứ 2 và thứ 3 (câu 2, câu 3) bằng cách đưa ra một loạt bằng chứng. Gia cố cho hiệu lực phản bác là những biểu thức ngôn ngữ có cấu trúc khẳng định: *là sai, càng sai hơn nữa, sự thật là*.

Ở một đoạn khác, cũng trong *Đông Dương*, Nguyễn Ái Quốc viết: *Người Đông Dương không được học, đúng thế, bằng sách vở và bằng diễn văn, nhưng người Đông Dương nhận sự giáo dục bằng cách khác. Đau khổ, đói nghèo và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ*⁽⁸⁾. *Người Đông Dương... bằng diễn văn*, là lời của chính quyền thực dân nhận xét về người Đông Dương (thế nên mới cần đến công cuộc khai hóa văn minh của "Mẫu quốc"!); phần tiếp sau là lời của tác giả Nguyễn Ái Quốc. Từ vai thuyết ngôn, khi nhắc lại quan điểm của chủ ngôn về người Đông Dương, tác giả chuyển sang vai chủ ngôn, khi đưa ra một loạt các dẫn chứng về việc những điều người Đông Dương được học, được nhận từ công cuộc khai hóa văn minh. Đó là *đau khổ, đói nghèo và sự đàn áp bạo lực*. Một hình thức lập luận theo kiểu chất vấn để bác bỏ như vậy luôn khiến đối phương "cứng họng", khó lòng phản bác lại.

Khi luận cứ triển khai theo hình thức

⁽⁷⁾ *Diễn đàn Đông Dương*, in trong Hà Minh Đức, *Báo chí Hồ Chí Minh: chuyên luận và tuyển chọn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2000, tr. 178.

⁽⁸⁾ *Diễn đàn Đông Dương*, in trong Hà Minh Đức, *Sđd*, tr.178.

truyện kể, người đọc bị lôi cuốn vào tính hấp dẫn của truyện ở chỗ: các sự kiện, chi tiết mang đậm kịch tính, có cao trào, thắt nút và cởi nút. Truyện kết thúc, tình huống được giải quyết, đó cũng là lúc xuất hiện lời tố cáo, vạch trần sự thật về công cuộc khai hóa văn minh. Tác phẩm *Những tội ác kinh khủng của chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Đông Dương* triển khai theo một hệ thống luận cứ như sau:

- Luận cứ 1: những cuộc tuyển mộ đầy tội ác.

- Luận cứ 2: số phận của những con người bị tuyển mộ.

Mỗi luận cứ tương ứng với một phần của câu chuyện. Tổng hợp 2 luận cứ làm thành một câu chuyện hoàn chỉnh về tội ác của thực dân Pháp ở Đông Dương trong việc nô dịch hóa con người. Luận cứ 1 kể về cách tuyển mộ công nhân đồn điền xứ Đông Dương của thực dân Pháp diễn ra trên đất liền. Trước thái độ từ chối của người lao động, cách tuyển mộ của quan cai trị là *dùng sức mạnh và thủ đoạn, đưa họ đi trong những chuồng bằng sắt*⁽⁹⁾. Luận cứ 2 kể về hành trình lên đênh trên biển cả của người Đông Dương bị bắt làm phu đồn điền. Những dẫn chứng thường xuyên xuất hiện ở luận cứ 2 gồm: *họ bị nhốt trong những chiếc chuồng ở đáy tàu; người ốm bị ném xuống biển; quảng trẻ em xuống nước; họ chịu đựng đến mức kinh khủng đói, khát* tạo nên sức ám ảnh với người đọc, cứ như thể họ - những con người xứ Đông Dương ấy không phải là người mà là súc vật.

2.3. Lập luận và yếu tố biểu cảm

Từ góc độ biểu cảm, giọng điệu mỉa mai

trào phúng là yếu tố nổi bật làm nên tính hấp dẫn cho tác phẩm báo chí của Nguyễn Ái Quốc. Tính cách điển hình làm nên đặc trưng văn hóa của dân tộc Pháp là chất hài hước - humour (biểu hiện cho đặc trưng văn hóa ấy là lễ hội hóa trang - canaval). Đối tượng tiếp nhận bài viết của Nguyễn Ái Quốc trước hết là người dân Pháp, viết cho người dân nước Pháp, do đó văn phong cần phù hợp với tư duy thẩm mỹ Pháp. Chọn chất giọng giễu nhại, châm biếm, Hồ Chí Minh đã dễ dàng đưa bạn đọc, một cách tự nhiên, đến đích nhận thức về thực chất của chính sách khai hóa văn minh của chính quyền thực dân Pháp đối với các nước thuộc địa.

Trong các bài viết của Nguyễn Ái Quốc, chất giễu nhại, châm biếm được tạo lập theo kiểu "đánh tráo khái niệm". Bản chất của đánh tráo khái niệm là sử dụng một khái niệm vốn đã quen thuộc nhưng lại cấp cho nó một nội dung mới, ý nghĩa mới, khác với nội dung vốn có của nó, nhằm hạ bệ đối tượng. Đối tượng đả kích, luận chiến của Nguyễn Ái Quốc là chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với các nước thuộc địa, là hệ thống quan cai trị xứ Đông Dương giả danh "mẫu quốc". Chẳng hạn với Anbe Xarô – Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, từ ngữ xưng hô mà Nguyễn Ái Quốc thường sử dụng với đối tượng này đầy kính trọng, phản ánh vị thế xã hội, giá trị văn hóa của người đó. Ví dụ: *Ngài*, hoặc kèm theo chức danh *Ngài Bộ trưởng*. Nhưng những luận cứ - những việc làm

⁽⁹⁾ *Những tội ác kinh khủng của chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Đông Dương*, in trong Hà Minh Đức, Sđd, tr.209.

của kẻ được gọi là Ngài đó lại hết sức tàn nhẫn, độc ác: *Dưới quyền cai trị của Ngài, dân An Nam được hưởng phần vinh thực sự và hạnh phúc thực sự, hạnh phúc được thấy nhan nhản khắp trong nước, những ty rượu và ty thuốc phiện, những thứ đó song song với những sự bắn giết hàng loạt, nhà tù...*⁽¹⁰⁾. Chất giễu mỉa bật ra từ sự tương phản giữa danh và thực chất. Cũng trong bài viết *Thư ngỏ gửi ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ thuộc địa*, bạn đọc sẽ thấy các cụm từ *lòng yêu thương của ngài, lòng nhân ái, ngài muốn gia ơn* được dùng để quy chiếu đến các hành động bắt lính, đàn áp đẫm máu, bắt mua công trái, truất ngôi và đày biệt xứ một ông vua. Khái niệm *cuộc khai hóa* trong tác phẩm *Sự quái đản của công cuộc khai hóa* quy chiếu tới cảnh những tên lính thực thực dân giết hại phụ nữ, trẻ nhỏ, người già - những con người lẽ ra phải được ưu tiên hàng đầu trong việc chăm sóc, bảo vệ - theo cách chỉ có trong xã hội thời trung cổ. Họ bị *đem thiêu trong một đồng củi cành cây làm trò vui; một tên lính lấy lưỡi lê cứ từ từ, từng nhát một, chọc vào bụng chị rồi lại chậm chậm rút ra*⁽¹¹⁾. Trong khi đó các cụm từ *chúng tôi lấy làm cảm động, tiếp nhận vinh dự, biết ơn sâu sắc, đội ơn* quy chiếu tới thái độ căm phẫn của tác giả trước hành động lừa gạt, mị dân của quan toàn quyền Đông Dương. Cũng có khi chất *humour* được tạo ra theo kiểu tương phản về thái độ ứng xử bất nhất trước một đối tượng. Ví dụ: *C...ảm ơn ông toàn quyền! Nhưng xin làm ơn ... cút đi cho*⁽¹²⁾.

Trong suốt bài viết này, những từ ngữ *lập luận, lẽ thường, luận cứ, cách triển*

khai luận cứ được chúng tôi sử dụng thường xuyên để làm sáng tỏ một trong những đặc điểm ngôn ngữ báo chí của Hồ Chí Minh, đó là tính luận chiến. Vấn đề nêu ra trong các bài viết của Nguyễn ái Quốc thuộc phương diện chính trị, vì thế không phải bất kì người dân nào cũng có thể hiểu, chia sẻ. Nhưng rõ ràng với cơ sở lẽ thường "Nhân quả", cách chọn luận cứ cùng hình thức triển khai luận cứ đã khiến cho tác phẩm báo chí luận chiến của Nguyễn Ái Quốc vừa mang tính chất tiến công, lại vừa hợp với tư duy thẩm mĩ của bạn đọc. Người Pháp có cơ hội hiểu lại, hiểu rõ hơn các khái niệm vốn xa lạ với họ như "Đông Dương", "khai hóa văn minh" "chính sách thuộc địa". Bằng cách đó, người Cộng sản Nguyễn Ái Quốc đã hướng thế giới nói chung, nước Pháp nói riêng quan tâm tới vấn đề thuộc địa, đồng tình với phong trào giải phóng thuộc địa ở Đông Dương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập 2, *Ngữ dụng học*, Nxb. Giáo dục.
2. Nguyễn Đức Dân (2000), *Ngữ dụng học*, Tập 1, Nxb. Giáo dục.
3. Hà Minh Đức (2000), *Báo chí Hồ Chí Minh chuyên luận và tuyển chọn*, Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. Đặng Thị Hảo Tâm, *Hành động ngôn từ giễu nhại trong thơ hậu hiện đại*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, Số 5 - 2011.

⁽¹⁰⁾ *Thư ngỏ gửi ông Anbe Xarô*, in trong Hà Minh Đức, Sdd. tr. 190.

⁽¹¹⁾ *Sự quái đản của công cuộc khai hóa*, in trong Hà Minh Đức, Sdd. tr. 185.

⁽¹²⁾ *Trò Méclanh*, in trong Hà Minh Đức, Sdd. tr. 200.